TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST
Ngày: 04-9-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hoàng Đức Cảnh
Ông Phạm Công Hạ.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Hữu Hảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-KDTM, ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ACB (tên viết tắt là ACB); địa chỉ trụ sở chính: Số 442, N, phường 05, quận 03, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Thanh T - Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ - Ngân hàng ACB (Văn bản ủy quyền số 06/UQ – 848.20, ngày 04 tháng 5 năm 2020); Có mặt.

2. Bị đơn:

Anh Đinh Khắc H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn 3, xã P, huyện T, thành phố H. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 02, Trại giam N – N; Địa chỉ tại: xã N, huyện H, tỉnh N; Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Chị Hà Thị H; Nơi cư trú: Thôn 03, xã P, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đinh Khắc H và bà Nguyễn Thị K; Nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần ACB do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14/9/2016 ACB cấp tín dụng cho anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H căn cứ theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PLZ.CN.780.130916, ngày 14/9/2016 trên cơ sở đó hai bên ký Hợp đồng cấp tín dụng số PLZ.CN.781.130916 ngày 14 tháng 9 năm 2016 và được giải ngân thông qua khế ước nhận nợ số 01 (STK: 223398259), ngày 15/9/2016 số tiền cho vay là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu) đồng, mục đích cho vay là tiêu dùng – khác – sửa chữa nhà không làm thay đổi kết cấu – mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình, phương thức cho vay là cho vay từng lần, phương thức giải ngân chuyển khoản toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 223397009 của anh Đinh Khắc H tại ACB, thời hạn vay là 84 tháng, từ ngày 15/9/2016 đến ngày 15/9/2023, lãi suất vay trong hạn được quy định lãi suất vay 9,5%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Sau đó kể từ tháng thứ 07 lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = LS13 + 3,9 + X (%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi thực hiện việc giải ngân, đến ngày 24/7/2018 ACB và vợ chồng anh H, chị H tiếp tục ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PLZ.781.130916/SĐBS 01, sửa đổi bổ sung thời hạn vay từ ngày 15/9/2016 đến ngày 15/9/2026. Để đảm bảo cho khoản vay trên anh H, chị H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PLZ.BĐCN.602.130916 được công chứng tại phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2016, số công chứng 2445/16.BĐ/754.PTV, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD/2609.16; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện T, ngày 15/9/2016, số thứ tự 2493, quyển số 01. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 88A, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại thôn 3, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 380019, số vào sổ cấp GCN: CH/00190, cấp ngày 31/01/2013 cho ông Đinh Khắc H và bà Hà Thị H. Trong quá trình vay vốn anh H và chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ACB, nên ngày 24/02/2019 ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của Hợp đồng cấp tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên. Tính đến ngày 02/7/2020 anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H đã trả được cho ACB tổng số tiền là 228.305.819 đồng, trong đó gốc đã trả là 122.259.408 đồng và lãi đã trả là 106.046.411 đồng. Tính đến ngày 04/9/2020 anh H, chị H còn nợ ACB tổng số tiền gốc và lãi là: 558.528.225 đồng, trong đó nợ gốc 427.740.592 đồng, lãi trong hạn 23.127.724 đồng, lãi quá hạn 107.659.909 đồng. Nay Ngân hàng ACB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H phải trả cho ACB toàn bộ số tiền gốc và lãi nói trên theo quy định của pháp luật và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ sau

ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt điểm nợ. Nếu anh H, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc và lãi nói trên thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo nội dung Hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết.

Bị đơn chị Hà Thị H vắng mặt tại phiên tòa, song tại bản tự khai ngày 15 tháng 5 năm 2020 chị H trình bày:

Chị là vợ anh Đinh Khắc H, năm 2016 vợ chồng chị có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng ACB để vay số tiền 550.000.000 đồng và đã được Ngân hàng ACB giải ngân thông qua Khế ước nhận nợ, mục đính vay là vay tiên dùng, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất vay là 9,5%/năm, vợ chồng chị đã được Ngân hàng ACB giải ngân đủ số tiền 550.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng chị đã dùng tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 266,2m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 88A, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại thôn 3, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng đứng tên chủ sử dụng là vợ chồng chị là Đinh Khắc H và Hà Thị H, nguồn gốc diện tích đất và tài sản trên đất là của bố mẹ là ông Đinh Khắc H và bà Nguyễn Thị K làm nên cho vợ chồng. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng vợ chồng chị đã trả được cho Ngân hàng ACB một phần tiền gốc và tiền lãi như phía đại diện Ngân hàng ACB trình bày là đúng, do làm ăn khó khăn nên vợ chồng chị H không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ACB, nay ACB khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị thanh toán trả cho ACB toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo nội dung hợp đồng mà các bên đã ký kết, quan điểm của chị H là do hiện nay chồng chị anh Đinh Khắc H đang phải chấp hành án phạt tù tại đội 26, trại giam N-N án phạt 17 năm tù về mua bán trái phép chất ma túy, hoàn cảnh gia đình hiện nay vô cùng khó khăn, chị H một mình đi làm nuôi hai con. Vì vậy đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để cho gia đình chị được trả nợ dần trừ vào tiền nợ gốc vay, xin miễn giảm tiền lãi, chị H không đồng ý phát mại tài sản thế chấp vì đó là chỗ ở duy nhất của gia đình chị.

Bị đơn anh Đinh Khắc H vắng mặt tại phiên tòa, song tại Biên bản ghi lời khai ngày 17/6/2020 anh Đinh Khắc H trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của chị Hà Thị H, năm 2016 vợ chồng anh ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng ACB để vay số tiền 550.000.000 đồng và đã được Ngân hàng ACB giải ngân thông qua Khế ước nhận nợ, mục đính vay là vay tiên dùng, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất vay là 9,5%/năm , vợ chồng chị đã được Ngân hàng ACB giải ngân đủ số tiền 550.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng chị đã dùng tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 266,2m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 88A, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại thôn 3, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng đứng tên chủ sử dụng là anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H, nguồn gốc diện tích đất và tài sản trên đất là của bố mẹ là ông Đinh Khắc H và bà Nguyễn Thị K làm nên cho vợ chồng đứng tên. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng anh đã trả được cho Ngân hàng ACB một khoản nợ gốc và lãi, năm 2017 do anh H vi phạm pháp luật bị kết án hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 26, phân trại số 02, trại giam N – N án phạt tù 17 năm. Nay Ngân hàng khởi kiện

yêu cầu vợ chồng anh phải thanh toán trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi hiện còn nợ Ngân hàng theo nội dung hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, quan điểm của anh H thừa nhận khoản nợ và đề nghị Ngân hàng ACB tạo điều kiện cho vợ chồng anh thời gian để thu xếp trả nợ dần cho Ngân hàng, anh H không đồng ý phát mại tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Khắc H và bà Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa, song tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án ông Đinh Khắc H và bà Nguyễn Thị K thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông, bà là bố mẹ của anh Đinh Khắc H, chị Hà Thị H là con dâu, năm 2013 vợ chồng ông, bà đã làm thủ tục sang tên toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 88A, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại thôn 3, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng cho con trai trưởng là anh Đinh Khắc H và vợ chị Hà Thị H. Quá trình sử dụng đến năm 2016 do cần vốn làm ăn nên vợ chồng anh H, chị H đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng ACB và được ACB cho vay số tiền 550.000.000 đồng, để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng anh H, chị H đã dùng tài sản là quyền sử dụng diện tích đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn 3, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng để thế chấp cho ACB. Năm 2017 do anh H vi phạm pháp luật phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên vợ chồng anh H, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ACB. Nay Ngân hàng ACB khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H, chị H phải trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nếu không trả được hết nợ thì sẽ phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng quan điểm của vợ chồng ông H, bà K đề nghị ACB và Tòa án xem xét tạo điều kiện để cho gia đình ông bà trả nợ dần cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ, vợ chồng ông bà không đồng ý phát mại tài sản thế chấp vì đây là nơi ở duy nhất của cả gia đình. Do hoàn cảnh gia đình và điều kiện kinh tế hết sức khó khăn mong Ngân hàng cho gia đình ông bà trả nợ dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn anh Đinh Khắc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Khắc H và bà Nguyễn Thị K đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chị Hà Thị H chưa chấp hành đúng pháp luậtt tại Điều 70, 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3, Điều 26, 35, 39, 91, 92, 97, 147, Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 122, 280, khoản 1 Điều 281, 320, 342 và các Điều 471, 474, 476, 715 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị

Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ACB (tên viết tắt Ngân hàng ACB) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Trường hợp anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP ACB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành kê biên phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PLZ.BĐCN.602.130916 được công chứng tại phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2016, số công chứng 2445/16.BĐ/754.PTV, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD/2609.16 đứng tên chủ sử dụng là anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H. Về án phí, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, trả lại nguyên đơn Ngân hàng ACB số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật. giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Bị đơn anh Đinh Khắc H, hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 02, Trại giam N – N; Địa chỉ tại: xã N, huyện H, tỉnh N; Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn chị Hà Thị H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Khắc H và bà Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng. Vì vậy căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đinh Khắc H, chị Hà Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Khắc H và bà Nguyễn Thị K.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp

Căn cứ theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PLZ.CN.780.130916, ngày 14/9/2016 trên cơ sở đó hai bên ký Hợp đồng cấp tín dụng số PLZ.CN.781.130916 ngày 14 tháng 9 năm 2016, mục đích cho vay là tiêu dùng – khác – sửa chữa nhà không làm thay đổi kết cấu – mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình. Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đã ký giữa các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ngân hàng thương mại cổ phần ACB (viết tắt là Ngân hàng ACB) yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn vợ chồng anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ACB tổng số tiền gốc và lãi vay của

Hợp đồng cấp tín dụng số PLZ.CN.781.130916 ngày 14 tháng 9 năm 2016 tổng số tiền gốc và lãi là: 558.528.225 đồng, trong đó nợ gốc 427.740.592 đồng, lãi trong hạn 23.127.724 đồng, lãi quá hạn 107.659.909 đồng.

Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án, cùng các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét nhận định: Vợ chồng anh H và chị H cùng vợ chồng ông H, bà K đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và không đồng ý phát mại toàn bộ tài sản thế chấp vì điều kiện khó khăn anh H đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để gia đình thu xếp trả nợ dần cho Ngân hàng, chị H, ông H và bà K đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng anh H, chị H cùng gia đình trả dần số tiền gốc từ 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin miễn một phần tiền lãi, đại diện Ngân hàng ACB không đồng ý với quan điểm của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ pháp luật để giải quyết vụ án. Xét, tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết các hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, Bảng kê rút vốn vay là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng ACB đã giải ngân đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, vợ chồng anh H, chị H đã ký nhận đủ số tiền vay. Như vậy, Ngân hàng ACB đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, việc vợ chồng anh H, chị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, Hội đồng xét xử, xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ACB buộc bị đơn vợ chồng anh H, chị H phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng bằng số tiền gốc và lãi là: 558.528.225 đồng, trong đó nợ gốc 427.740.592 đồng, lãi trong hạn 23.127.724 đồng, lãi quá hạn 107.659.909 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh H, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng là phù hợp quy định tại các Điều 91, 92 và Điều 97 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 122, 280, khoản 1 Điều 281, 320, 342 và các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, 463, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp

- Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PLZ.BĐCN.602.130916 được công chứng tại phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2016, số công chứng 2445/16.BĐ/754.PTV, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD/2609.16; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện T, ngày 15/9/2016, số thứ tự 2493, quyển số 01. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 266,2m^2 và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 88A, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại thôn 3, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liền với đất số BL 380019, số vào sổ cấp GCN: CH/00190, cấp ngày 31/01/2013 cho ông Đinh Khắc H và vợ bà Hà Thị H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2020 xác định toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng không có gì thay đổi nguồn gốc thửa đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất là của bố mẹ anh H là ông Đinh Khắc H và bà Nguyễn Thị K cho vợ chồng từ năm 2013 và đã làm đầy đủ thủ tục cho vợ chồng anh H, chị H đứng tên chủ sử dụng, nay vợ chồng ông H, bà K không có ý kiến tranh chấp gì. Sau khi anh H, chị H ký hợp đồng thế chấp toàn bộ tài sản nhà đất nói trên vợ chồng ông H, bà K cùng vợ chồng anh H, chị H vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng. Năm 2017 do anh H vi phạm pháp luật phải chấp hành án tại trại giam N – N vợ chồng ông H, bà K có làm thêm 01 mái tôn trước nhà, nay ông H, bà K không có ý kiến tranh chấp gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện để vợ chồng anh H, chị H cùng với vợ chồng ông H, bà K sẽ có trách nhiệm trả nợ dần cho Ngân hàng mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ. Anh H, chị H và vợ chồng ông H, bà K không đồng ý phát mại tài sản thế chấp vì đây là nơi ở duy nhất của gia đình, mặt khác do hiện nay anh H đang phải chấp hành án nên điều kiện hoàn cảnh gia đình gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, mong hội đồng xét xử và Ngân hàng xem xét. Đại diện Ngân hàng ACB không đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa vợ chồng anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H với Ngân hàng ACB là hoàn toàn tự nguyện, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, mặt khác trong hợp đồng thế chấp đã nêu rõ nội dung hợp đồng thế chấp và phạm vi bảo đảm là bên thế chấp tự nguyện thế chấp toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay bao gồm: nợ gốc, lãi tiền vay trong hạn, lãi tiền vay quá hạn và các chi phí phát sinh liên quan của số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Bên vay, do đó hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực đối với các bên. Vì vậy trường hợp anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần ACB có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại các Điều 715, 716, 720 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ACB số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26, 35, 39, 91, 92, 97, 147, Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 91, 92 và Điều 97 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 122, 280, khoản 1 Điều 281, 320, 342, 471, 474,

476, 715, 716, 720 và Điều 721của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần ACB anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ACB số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 26/8/2020 bằng: số tiền gốc và lãi là: 558.528.225 đồng, trong đó nợ gốc 427.740.592 đồng, lãi trong hạn 23.127.724 đồng, lãi quá hạn 107.659.909 đồng theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PLZ.CN.780.130916, ngày 14/9/2016 và Hợp đồng cấp tín dụng số PLZ.CN.781.130916 ngày 14 tháng 9 năm 2016; Khế ước nhận nợ số 01 (STK: 223398259) và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PLZ.781.130916/SĐBS 01, ngày 15/9/2016.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp

Trong trường hợp anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần ACB có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ là: Quyền sử dụng đất 266,2m^2 và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 88A, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại thôn 3, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 380019, số vào sổ cấp GCN: CH/00190, cấp ngày 31/01/2013 cho ông Đinh Khắc H và vợ bà Hà Thị H tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PLZ.BĐCN.602.130916 được công chứng tại phòng công chứng số 3, thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2016, số công chứng 2445/16.BĐ/754.PTV, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD/2609.16; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện T, ngày 15/9/2016, số thứ tự 2493, quyển số 01.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ để trả nợ thì chị Hà Thị H và anh Đinh Khắc H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần ACB.

3. Về án phí

Anh Đinh Khắc H và chị Hà Thị H phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 26.341.129 đồng. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần ACB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng tại Biên

lai thu tạm ứng án phí số 0000681, ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo bản án

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

Mẫu số 51-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....**(1)**

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm .....
Tại:(2).....
Với Hội đồng xét xử(3) …….gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)……..
..... (4)
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số……/…../……..-……..….(5)
ngày…..tháng…..năm…..về **(**6)…… giữa:
Nguyên đơn .....
Bị đơn .....
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
..... (7
)
Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật(8).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU*(9)*

.....
.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:(2)...../...../.....
Ngày:(3) .....-.....-.....
V/v tranh chấp(4).....

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN (5).....

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:(6)
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)…….……..
Thẩm phán: Ông (Bà) .....
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông (Bà).....
2. Ông (Bà).....
3. Ông (Bà).....
- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)……..……(7)
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(8)..... *tham gia phiên toà:*
Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.
Trong các ngày..... tháng..... năm.....(9) tại .....
xét xử sơ thẩm công khai(10) vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....(11)
ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....(12)
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....
tháng..... năm..... giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn:(13).....
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:(14) .....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:(15).....
2. Bị đơn: (16) .....
Người đại diện hợp pháp của bị đơn:(17) .....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:(18) .....
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):(19).....
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(20) .....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(21).....
4. Người làm chứng(22) .....
5. Người giám định:(23).....
6. Người phiên dịch:(24) .....

NỘI DUNG VỤ ÁN: (25)

.....

.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:(26)

[1] .....
[2] .....
[3] .....
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào……(27) .....
(28): .....
..... (29)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề ngH của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì

ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".
(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).
(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.
(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẨm phán - ChỦ tỌA phiên toà
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)